

Hà Nội, ngày 12 tháng 04 năm 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ NĂNG LỰC

ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng;

Thực hiện công văn số 5794/SXD-GĐCL ngày 20/3/2026 của Sở Xây dựng Thành phố Hà Nội về việc hướng dẫn thực hiện việc công bố thông tin năng lực hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng theo Nghị định số 14/2026/NĐ-CP.

Công ty TNHH tư vấn xây dựng Kỹ Nguyên Mới công bố công khai thông tin về năng lực đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng như sau:

1. Thông tin tổ chức hoạt động thí nghiệm

- Tên tổ chức: Công ty TNHH tư vấn xây dựng Kỹ Nguyên Mới
- Mã số doanh nghiệp: 0108873592. Đăng ký lần đầu ngày 21 tháng 8 năm 2019. Đăng ký thay đổi lần 4 ngày 28 tháng 7 năm 2025.
- Địa chỉ trụ sở: Số 42, tổ 7, Ngách 2/129 Tư Đình, Phường Long Biên, Thành phố Hà Nội
- Điện thoại: 0973226286
- Email: quoccuonglongbien@gmail.com
- Website : xaydungkynguyenmoi.com
- Tên phòng thí nghiệm: **Phòng thí nghiệm vật liệu và kiểm định xây dựng công trình.**
- Địa chỉ phòng thí nghiệm: Số 42, tổ 7, Ngách 2/129 Tư Đình, Phường Long Biên Thành phố Hà Nội
- Trưởng Phòng : Đỗ Huy Hoàng



2. Thông tin về năng lực của tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng

STT	Chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn áp dụng	Thiết bị
	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ ĐẤT TRONG PHÒNG		
1	Xác định khối lượng riêng (tỷ trọng)	TCVN 4195:12; AASHTO T100; ASTM D854	Cân kỹ thuật (0,01g), bình tỷ trọng (100cm ³), cối chày sứ (đồng), rây 2mm, bếp cát, tủ sấy (t ⁰), tỷ trọng kế, thiết bị ổn nhiệt, cốc nhỏ (hộp nhôm có nắp), Dầu hoá, bơm chân không (có cả bình hút chân không), cân kỹ thuật (0,01g), bình tỷ trọng (100cm ³), cối chày sứ (đồng), rây 2mm, bếp cát, tủ sấy (t ⁰), tỷ trọng kế, thiết bị ổn nhiệt, cốc nhỏ hộp nhôm có nắp
2	Xác định độ ẩm và độ hút ẩm	TCVN 4196:12; ASTM D2216; AASHTO T265	Tủ sấy (t ⁰) đến 300 ⁰ C, cân kỹ thuật (0,01g), cốc thuỷ tinh (hộp nhôm có nắp), bình hút ẩm có clorua canxi, rây (1mm), cối và chày sứ có đầu bọc cao su, khay men phơi đất, Cân kỹ thuật (0,01g), cân phân tích (0,001g), rây 0,5mm, cốc thuỷ tinh (hộp nhôm có nắp), bình hút ẩm có clorua canxi, tủ sấy (t ⁰)
3	Xác định giới hạn dẻo, giới hạn chảy	TCVN 4197:12; AASHTO T89, T90; ASTM D4318	Các tấm kính nhám, rây (1mm), cối và chày sứ có đầu bọc cao su, bình thuỷ tinh có nắp, cân kỹ thuật (0,01g), cốc thuỷ tinh (hộp nhôm có nắp), tủ sấy (t ⁰), bát sắt tráng men, dao để trộn - Dụng cụ Casagrande
4	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 4198:14; AASHTO T88, T27, ASTM C136, D1140, D422	Cân kỹ thuật (0,01g), bộ rây (10, 5, 2, 1,05; 0,25, 0,1mm), cối và chày sứ có đầu bọc cao su, tủ sấy (t ⁰), bình hút ẩm có clorua canxi, quả lê bằng cao su, dao con, cân (1g), máy sàng lắc, cân phân tích, tỷ trọng kế (vạch 0,001), bộ phận đun và làm lạnh, bình tam giác (1000cm ³ , φ 60±2mm), nhiệt kế (0,5 ⁰ C), que khuấy, đồng hồ bấm, máy rửa, ống hút (5cm ³ và 50cm ³), thước thẳng 20cm.

3873
ÔNG
VĂN
Ý NG
V. B

5	Xác định sức chống cắt trên máy cắt phẳng.	TCVN 4199:12; ASTM D3080; AASHTO 1236;	Máy cắt đất 2 tốc độ , máy nén (cánh tay đòn), hộp để làm bảo hoà nước, thiết bị giữ ẩm, đồng hồ đo biến dạng, vòng đo lực ngang, quả cân ($0,1.10^5\text{N/m}^2 \dots 1.10^5 \text{ N/ m}^2$)
6	Xác định tính nén lún trong điều kiện không nở hông	TCVN 4200:12; ASTM D2166; ASTM D2435, D3877, D4546;	Máy nén (hộp nén, bàn máy, bộ phận tăng tải, thiết bị đo biến dạng), các dụng cụ khác: Mẫu chuẩn bằng kim loại, dao gạt đất, dụng cụ ấn mẫu vào dao vòng, tủ sấy (t^0), cân kỹ thuật (0,01g), đồng hồ đo biến dạng (vạch 0,01mm.
7	Xác định độ chặt tiêu chuẩn	TCVN 4201:12; 22TCN 333-06; TCVN 12790:20	Cối đầm nện và cần dẫn búa bằng kim loại, cân kỹ thuật (0,01g), sàng (5mm), bình phun nước, tủ sấy (t^0), bình hút ẩm có clorua canxi, hộp nhôm (cốc thủy tinh có nắp), dao gạt đất, vò đập đất, khay (40x60cm), vải phủ, cối sứ và chày bọc cao su.
8	Xác định khối lượng thể tích (dung trọng)	TCVN 4202:12; TCVN 10322:14; ASTM D2937, D7263; AASHTO 1204;	Dao vòng bằng kim loại ($\geq 50\text{cm}^3$, ϕ trong $\geq 50\text{mm}$ (cho đất cát bụi và $\geq 100\text{mm}$ cho đất cát thô, $\geq 40\text{mm}$ cho đất sét đồng nhất, chiều cao \leq đường kính và $<$ nửa đường kính), thước cặp, dao cắt có lưỡi thẳng, cân kỹ thuật (0,01 và 0,1g), các tấm kính, dụng cụ xác định độ ẩm, hộp nhôm hoặc cốc thủy tinh có nắp, tủ sấy (t^0)
9	Thí nghiệm sức chịu tải của đất (CBR) trong phòng thí nghiệm	22TCN 332-06; TCVN 12792:20; AASHTO T193; ASTM D1883	Máy nén CBR + cung lực 50 KN Đồng hồ đo chuyển vị (0-10)mm/0.01 mm Khuôn CBR, bộ đĩa gia tải, bộ gá đồng hồ Tấm giãn cách
10	Thí nghiệm nén 1 trục có nở hông	ASTM D 2166; TCVN 9438:12; TCVN 8868:11 AASHTO T208,	Thiết bị đầm tạo mẫu Cân kỹ thuật Khay đựng mẫu Máy nén 3 trục Đồng hồ so bách phân kế
11	Xác định các chỉ tiêu của đất trên máy nén 3 trục (UU; CU; CD; CV)	TCVN 8868:11; ASTM D2580	Máy nén đất 3 trục , thiết bị tạo mẫu, cung lực, đồng hồ so, tủ sấy, cân kỹ thuật
12	Xác định hàm lượng chất hữu cơ của đất	TCVN 8726:12; TCVN 8941:11; AASHTO T267; ASTM D2974	Dao vòng, tủ sấy 300 độ C, cân kỹ thuật, bình hút ẩm, sàng thí nghiệm, bình tam giác ...

13	Xác định các đặc trưng góc nghi tự nhiên của đất rời	TCVN 8724:12	Bộ thiết bị đo góc nghi ; Thùng chứa nước; Sàng lỗ 2 và 5mm, khay đựng, chày, cối sứ; Nước cất.
14	Xác định góc nghi tự nhiên của cát	ASTM D1883; AASHTO T139	Bộ thiết bị đo góc nghi (bàn đế, mâm tròn, cọc thép); Thùng chứa nước; Sàng lỗ 2 và 5mm, khay đựng, chày, cối sứ; Nước cất.
15	Xác định độ góc cạnh của cốt liệu	TCVN 8860-7:11; TCVN 11087:17	Thùng đựng kim loại hình trụ; Phễu; Giá đỡ; Tấm kính; Khay, thanh gạt; Cân điện tử; Tủ sấy.
16	Độ ẩm, độ hút nước của đá xây dựng trong phòng thí nghiệm	TCVN 10321:2014	Cân kỹ thuật có độ chính xác đến 0,1 g; Tủ sấy 200°C; Búa sắt; Bình hút ẩm; Bàn chải, khăn sạch và các dụng cụ thông thường khác.
17	Khối lượng thể tích của đá xây dựng trong phòng thí nghiệm	TCVN 10322:2014	Cân kỹ thuật, có độ chính xác 0,01g và 0,1g; Máy khoan, cắt, mài đá; Thước kẹp có độ chính xác 0,1mm; Tủ sấy 200°C.
18	Xác định đặc trưng trương nở của đất	TCVN 8719:12; ASTM D4829; ASTM D4546	Bàn và giá đỡ đồng hồ giãn nở; Hộc chứa nước; Pistong đỡ chân đồng hồ có đục lỗ chân kim thoát khí; Đồng hồ đo 10 mm (độ chính xác 0,01 mm); Dao vòng chứa mẫu thử nghiệm.
19	Xác định đặc trưng co ngót của đất	TCVN 8720:12; ASTM D427; AASHTO T92	Cân kỹ thuật chính xác đến 0,1g và 0,01g; Thước cặp chính xác đến 0,1mm; Parapin, mỡ bôi trơn, đồng hồ bấm giây, nước cất; Dao cắt đất, đĩa, khay đựng, tấm kính; Dụng cụ làm phân tán đất; Các dụng cụ xác định độ ẩm và khối lượng thể tích của đất.
20	Xác định hệ số thấm của đất	TCVN 8723:12; AASHTO T49, T215; ASTM D2434	Hộp thử thấm cột áp thay đổi; Bảng gắn 03 ống đo áp trong suốt và có vạch chia mm; Bình cấp nước 10 lít, bộ ống dẫn nước

			<p>có van khóa; Thùng thử thấm cột áp không đổi; Dao vòng chứa mẫu đất thí nghiệm; Dụng cụ chế bị mẫu đối với đất bị phá huỷ kết cấu.</p>
21	Xác định khối lượng thể tích khô lớn nhất và nhỏ nhất của đất rời	TCVN 8721:2012	<ul style="list-style-type: none"> - Cối đầm Proctor có dung tích 1000 cm³; - Tủ sấy có thể sấy đến nhiệt độ 110 °C và đảm bảo không chế nhiệt độ sấy ổn định theo yêu cầu; - Cân kỹ thuật ; - Sàng có mắt lỗ 2 mm và 5 mm; - Đồng hồ bấm giây; - Các dụng cụ phụ trợ,.....
THỬ NGHIỆM TẠI HIỆN TRƯỜNG			
22	Xác định modul đàn hồi của nền đất và các lớp kết cấu áo đường bằng phương pháp tấm ép cứng	TCVN 8861:11	Tấm ép cứng chuyên dùng, kích (dầm khung ép), lực kế.
23	Đo dung trọng, độ ẩm của đất bằng phương pháp dao đai	TCVN 12791:20; 22TCN 02:1971; TCVN 8729:12; AASHTO T204;	<p>Dao đai tròn bằng thép hay; Cân kỹ thuật; Dao gạt đất lưỡi phẳng; Hộp nhôm có nắp; Chảo sấy;</p> <p>Búa và các dụng cụ phụ trợ.</p>
24	Độ ẩm, khối lượng thể tích của đất trong lớp kết cấu bằng phương pháp rót cát	TCVN 8729:12; 22TCN 346:06; ASTM D1556; AASHTO T191; BS 1377-9	<p>Phễu rót cát: (bình chứa cát, phễu, đế định vị); Cát chuẩn; Cân kỹ thuật; Cờn; Các dụng cụ khác (dao, đục, thìa, xô có nắp, hộp đựng mẫu, chổi lông,..).</p>
25	Xác định modul đàn hồi theo độ võng đàn hồi dưới bánh xe bằng cần Benkelman	TCVN 8867:11	Cần đo võng, xe đo (xe tải- trục đơn bánh kép khe hở giữa 2 bánh đôi 5cm-trọng lượng trục 10.000daN
26	Xác định mô đun biến dạng hiện trường bằng tấm ép phẳng	TCVN 9354:12; ASTM D1194; AASHTO T235	<p>Kích thủy lực 32 tấn Tấm ép phẳng theo tiêu chuẩn Giàn thiên phân kế..... Dầm chính, dầm phụ, hệ đối trọng</p>
27	Cọc - PP thí nghiệm bằng tải trọng tĩnh ép dọc trục	TCVN 9393:12	<p>Kích thủy lực 200 tấn Đồng hồ biến dạng 50x0,01mm Gá đỡ đồng hồ so</p>
28	Thí nghiệm CBR hiện trường	ASTM 4429:93; TCVN 8821:11	Bộ dụng cụ thí nghiệm hiện trường: có cấu ra tải, cung lực 50kn, đồng hồ so, thanh dẫn, quả tải

29	Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn SPT	TCVN 9351:2012	Máy khoan tạo lỗ Bộ dụng cụ thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn SPT: Quả tạ, thanh dẫn hướng, mũi xuyên...
30	Thí nghiệm cắt cánh hiện trường (FVT)	TCVN 10184:2021; ASTM D2573	Cờ lê momen , giá đỡ, cân nối, cắt cánh

3. Tổ chức cam kết:

Công ty TNHH tư vấn xây dựng Kỹ Nguyên Mới xin cam kết:

- Thông tin cung cấp đầy đủ, trung thực, chính xác
- Chịu trách trước pháp luật về nội dung công bố
- Cập nhật khi có thay đổi theo quy định

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG KỸ NGUYÊN MỚI



GIÁM ĐỐC
Làran Ngọc Xuân

